TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/DS-PT
Ngày: 26/5/2023
V/v tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Phương.

- *Các Thẩm phán*: Bà Võ Thị Hồng Thu.

Ông Phan Minh Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định***: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất, tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 289/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Sĩ L; có mặt.

Cùng cư trú tại: Xóm 1, thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh BĐ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị T; có mặt.

2. Anh Võ Nam Th; có mặt.

3. Chị Võ Thị D.

4. Anh Võ Ngọc Tr.

Cùng cư trú tại: Xóm 1, thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh BĐ.

Đại diện hợp pháp của chị Võ Thị D, anh Võ Ngọc Tr: Bà Nguyễn Thị Q là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2022 và ngày 26/01/2022)

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Q là nguyên đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Thửa đất số 1170 tờ bản đồ số 12 tại Xóm 1, thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh BĐ là do ông bà để lại và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà. Từ thửa đất ra đường lớn có một lối đi nằm phía Bắc và phía Đông thửa đất của ông L, đã có từ lâu đời, có thể hiện trên bản đồ 1997. Ngày 06/6/1995, gia đình bà và ông L thỏa thuận đổi đất lối đi (thỏa thuận miệng), theo đó gia đình bà đi trên con đường đang sử dụng hiện nay, phần đất lối đi cũ ông Liêm sử dụng xây nhà bếp, chuồng heo và trồng cây cối. Gia đình bà đã sử dụng con đường này từ ngày 06/6/1995 nhưng nay ông L cản trở không cho sử dụng. Nay bà yêu cầu ông L chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng lối đi và yêu cầu ông L công nhận quyền sử dụng lối đi hiện nay cho gia đình bà. Bà không đồng ý trả phần đất hiện đang làm lối đi theo yêu cầu phản tố của ông L, không chấp nhận mở lối đi trên phần đất phía Tây như ông L tự cho mở.

Bị đơn ông Võ Sĩ L trình bày:

Ông không chấp nhận các yêu cầu của bà Q. Không có con đường cũ nào vào đất của bà Q, đường đi này do gia đình bà Q tự đi. Con đường hiện nay là do gia đình bà Q tự mở từ năm 1995 chứ không có thỏa thuận giữa hai bên. Lúc đó, vì tình cảm anh em nên ông không có ý kiến gì, nay ông cần sử dụng đất nên không cho đi nữa. Phần đất lối đi bà Q đang sử dụng là thuộc thửa đất số 1184 tờ bản đồ số 12 đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình ông. Việc bà Q sử dụng làm lối đi là xâm phạm quyền lợi của ông nên ông không đồng ý và ngăn cản. Ông phản tố yêu cầu bà Q phải trả lại phần đất mà bà đang làm đường đi, ranh giới giáp đất bà Q lấy theo sơ đồ nhà nước quản lý và đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông tự nguyện cho bà Q mở lối đi rộng 2m trên phần đất phía Tây tại thửa đất số 1184 giáp với đất của bà Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T, anh Võ Nguyên Th trình bày: Thống nhất theo toàn bộ ý kiến của ông Liêm, không có ý kiến gì khác.

Đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị Ngọc D, anh Võ Ngọc Tr, bà Nguyễn Thị Q trình bày: Chị Diễm, anh Trương thống nhất theo ý kiến, yêu cầu của bà và không có yêu cầu khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 289/2022/DS-ST ngày 12/08/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q về yêu cầu công nhận phần đất có diện tích 67,5m^2 thuộc thửa đất số 1184 tờ bản đồ số 12

xã H là lối đi từ thửa đất số 1170 tờ bản đồ số 12 xã H ra đường công cộng và buộc ông Võ Sĩ L phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng phần đất này.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Sĩ L. Buộc bà Nguyễn Thị Q phải trả cho hộ gia đình ông Võ Sĩ L (gồm các nhân khẩu ông Võ Sĩ Liêm, bà Huỳnh Thị T, anh Võ Nguyên Th) phần đất diện tích 67,5m^2 thuộc thửa đất số 1184 tờ bản đồ số 12 xã H, thị xã H, tỉnh BĐ, có kích thước và giới cận như sau: Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất số 1184 dài 2,44m + 18,76m, Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 1184 dài 5,86m + 15,49m, Nam giáp đường bê tông dài 2,91m, Bắc giáp thửa đất số 1170 dài 1,23m + 1,71m + 1,80m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 15/8/2023, bà Nguyễn Thị Q kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận đường đi hiện có trên đất của ông Võ Sỹ L là của gia đình bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BĐ phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận lối đi cho gia đình bà Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q, HĐXX thấy rằng: Qua xem xét các tờ bản đồ năm 1984, 1997 và 2000; Báo cáo số: 83/BC-UBND ngày 13/4/2021, Báo cáo số: 144/BC-UBND ngày 07/7/2022 của UBND xã H, thị xã H, tỉnh BĐ; Công văn số: 715/UBND-TNMT ngày 20/5/2021 của UBND thị xã H, tỉnh BĐ và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ cùng sơ đồ bản vẽ ngày 17/3/2023, thì có đủ căn cứ khẳng định: Trước năm 1995, gia đình bà Q đã sử dụng một con đường nằm giữa thửa đất số 140, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 1170, tờ bản đồ số 12) của gia đình bà Q và thửa đất số 143, 1405 tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 1184, tờ bản đồ số 12) của gia đình ông Võ Sỹ L để đi ra đường lớn được thể hiện tại tờ bản đồ số 05, bản đồ 1997. Từ năm 1995 đến nay gia đình bà Q sử dụng con đường đi ngang qua thửa đất số 143, 1045 tờ bản đồ số 5 của gia đình ông Võ Sỹ L. Theo hiện trạng thì lối đi cũ (trước năm 1995) đã được gia đình ông L sử dụng để xây dựng nhà cửa, chuồng heo, trồng cây… còn lối đi mới (từ 1995) được gia đình bà Q sử dụng để đi ra đường lớn từ 1995 cho tới năm 2018, thì gia đình ông L mới cản trở việc sử dụng lối đi của gia đình bà Q và ngoài lối đi này ra thì gia đình bà Q không có lối đi nào khác để đi ra đường lớn. Hơn nữa, UBND xã H và UBND thị xã H, tỉnh BĐ đều khẳng định *đường đi từ thửa đất số 140, tờ bản đồ số 5 ra đường lớn thể hiên bản đồ năm 1997có từ thời điểm trước năm 1993, khi đo đạc bản đồ VN 2000 do địa hình bị che khuất nên không thể hiện đường đi theo bản đồ VN 2000, từ trước năm 1993 cho đến năm 1994 thì gia đình bà Q đi trên con đường này theo bản đồ 1997, đến năm 1995 do hai bên có thỏa thuận hoán đổi đường đi nên từ khi hoán đổi*

con đường này không còn sử dụng. Hộ ông Võ Sỹ L đã được cấp đổi theo tọa độ VN 2000 tại số thửa 1184, tờ bản đồ số 12, bao gồm cả lối đi theo bản đồ năm 1997, được cấp đổi quyền sử dụng đất năm 2008 (BL: 96, 99, 113, 114). Mặt khác, tại Biên bản hòa giải ngày 27/3/2018 thể hiện việc ông L không thống cho gia đình bà Q đi trên lối đi mới, mà thống nhất chừa đường đi theo theo lối di cũ cho gia đình bà Q theo số liệu của tờ bản đồ năm 1997 (BL: 02) nên bà Q nại năm 1995 gia đình bà và gia đình ông L có thỏa thuận hoán đổi đường đi là có căn cứ. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q mà chấp nhận yêu cầu phản tố của ông L là không có cơ sở, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Q. Do hai bên đã hoán đổi lối đi và diện tích đất của lối đi cũ đã được gia đình ông L sử dụng để xây dựng nhà cửa, chuồng heo, giếng nước, trồng cây…nên phần diện tích 59,2m^2 lối đi mới hiện nay (theo sơ đồ đo vẽ ngày 17/3/2023 của Công ty cổ phần tư vấn Đ) là thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Q. khi đo đạc bản đồ VN 2000 do địa hình bị che khuất nên không thể hiện đường đi theo bản đồ VN 2000 nên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi năm 2008 của hộ ông L, đã bao cả lối đi cũ và lối đi mới của hộ bà Q. Vì vậy, các cá nhân, hộ gia đình có liên quan đến quyền sử dụng 59,2m^2 lối đi mới hiện nay của gia đình bà Q, có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất của mình, để được điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất số 1170 và 1184 tại Xóm 1, thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh BĐ của hộ gia đình bà Q và hộ gia đình ông L, đồng thời có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý lại bản đồ địa chính đối với 02 thửa đất nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Võ Sỹ L.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[3.1] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, 5 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì ông Võ Sỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q được chấp nhận và 300.000 án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3.2] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá 02 lần là 16.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Võ Sỹ L phải chịu các chi phí này, bà Nguyễn Thị Q đã ứng chi xong nên ông Võ sỹ L phải hoàn trả lại cho bà Q số tiền trên.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm và về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 164, 169 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26, các Điều 166, 167, 170 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1, 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo bà Nguyễn Thị Q. Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 289/2022/DS-ST ngày 12/08/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Qu.

1.1 Công nhận phần đất có diện tích 59,2m^2 thuộc thửa đất số 1184, tờ bản đồ số 12, (có vị trí, kích thước: Từ điểm **1** thẳng đến điểm **2** dài 3,63m; từ điểm **2** thẳng đến điểm **3** dài 17,37m; từ điểm **3** thẳng đến điểm **4** dài 2,78m; từ điểm **4** thẳng đến điểm **5** dài 13,60m; từ điểm **5** thẳng đến điểm **6** dài 3,17m; từ điểm **6** thẳng đến điểm **7** dài 1,62m; từ điểm **7** thẳng đến điểm **8** dài 2,87m; từ điểm **8** thẳng đến điểm **1** dài 3,78m) ký hiệu **B1**, tọa lạc tại Xóm 1, thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh BĐ là lối đi từ thửa đất số 1170, tờ bản đồ số 12, tại Xóm 1, thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh BĐ ra đường công cộng của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Q (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

1.2 Buộc ông hộ gia đình ông Võ Sĩ Liêm (gồm các nhân khẩu ông Võ Sĩ Liêm, bà Huỳnh Thị Tuyết, anh Võ Nguyên Thuần) phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng phần đất có diện tích 59,2m^2 thuộc thửa đất số 1184, tờ bản đồ số 12, tại thôn An Hội Bắc, xã Hoài Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Q.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Sĩ L yêu cầu bà Nguyễn Thị Q phải trả cho hộ gia đình ông Võ Sĩ L phần đất diện tích 59,2m^2 thuộc thửa đất số 1184, tờ bản đồ số 12, tại Xóm 1, thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh BĐ là lối đi từ thửa đất số 1170, tờ bản đồ số 12, tại Xóm 1, thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh BĐ ra đường công cộng của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Q.

3. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ sỹ L phải chịu 600.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0005323 ngày 27/8/ 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H nên ông Võ Sỹ L còn phải nộp 300.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0005270 ngày 31/7/ 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0000057 ngày 18/8/ 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

3.3 Về chi phí tố tụng khác: Ông Võ Thanh L phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q 16.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

4. quyền, nghĩa vụ thi thành án:

4.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh BĐ;
- TAND TX. H;
- CCTHADS TX. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thu **Phan Minh Dũng** **Võ Công Phương**